PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

I.1. Mô tả khái quát về dự án:

1. Tên dự án: Dự án "Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên - Hợp phần tỉnh Quảng Ngãi"

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nhà tài trợ: Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW).

5. Mục tiêu đầu tư

Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước; nâng cao đời sống cho người làm nghề rừng và người dân sống gần rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, cụ thể:

- Hỗ trợ các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ điều tra, đánh giá, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng, bổ sung hoàn thiện các kế hoạch, phương án quản lý góp phần thực hiện quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

- Nâng cao năng lực, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật đáp ứng công tác quản lý, bảo vệ rừng cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ góp phần quan trọng bảo vệ tính nguyên vẹn của hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học.

- Huy động cộng đồng dân cư tham gia công tác bảo vệ và phát triển rừng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân sống gần rừng. Hỗ trợ 110 thôn, làng sống gần các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hỗ trợ 35 cộng đồng được nhà nước giao rừng tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao.

- Hỗ trợ 35 cộng đồng được nhà nước giao rừng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển canh tác, sản xuất gắn với bảo vệ tài nguyên rừng bền vững, góp phần tăng thu nhập cho người làm nghề rừng.

6. Dự án nhóm: Nhóm B.

7. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Năm 2025 - 2026.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Năm 2027 - 2030.

8. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án dự kiến triển khai trên phạm vi 145 thôn, làng ở 13 xã của tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm các xã: Sa Thầy, Mo Ray, Rờ Kơi, Ya Ly, Sa Loong, Bờ Y, Măng Bút, Kon Plông, Măng Ri, Đăk Sao, Xốp, Đăk Plô và xã Đăk Pék. Nơi có diện tích rừng đặc dụng của Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và rừng phòng hộ Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham. Trong đó

có 110 thôn, làng là vùng giáp ranh của các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và 35 thôn, làng được nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư

Khoảng 395.322 triệu đồng (tương đương 15.204.675 EUR; tương đương 16.567.014 USD). Trong đó, nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn gồm:

- Vốn vay của Chính phủ Đức: 234.000 triệu đồng (tương đương 9.000.000 Euro; tương đương 9.806.400 USD).

Trong đó:

+ Chi đầu tư: 234.000 triệu đồng (tương đương 9.000.000 Euro; tương đương 9.806.400 USD);

+ Chi thường xuyên: 0 triệu đồng (0 Euro; 0 USD);

- Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức: 56.161 triệu đồng (tương đương 2.160.000 Euro; tương đương 2.353.536 USD).

Trong đó:

+ Chi đầu tư: 20.065 triệu đồng (tương đương 771.750 Euro; tương đương 840.899 USD);

+ Chi thường xuyên: 36.096 triệu đồng (tương đương 1.388.250 Euro; tương đương 1.512.637 USD);

- Vốn đối ứng: 105.161 triệu đồng (tương đương 4.044.675 Euro; tương đương 4.407.078 USD).

Trong đó:

+ Chi đầu tư: 86.182 triệu đồng (tương đương 3.314.706 Euro; tương đương 3.611.704 USD);

+ Chi thường xuyên: 18.979 triệu đồng (tương đương 729.969 Euro; tương đương 795.374USD).

10. Cơ chế tài chính trong nước:

- Đối với vốn vay nước ngoài: Ngân sách Trung ương cấp phát 50%, UBND tỉnh Quảng Ngãi vay lại 50%.

- Đối với vốn ODA không hoàn lại: Ngân sách Trung ương cấp phát toàn bộ.

11. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

- Nguồn vốn vay, nguồn vốn ODA không hoàn lại và nguồn vốn đối ứng.

I.2. Các yêu cầu Quy mô dự án

2.1 Quy mô các hoạt động chính

- Bảo vệ, quản lý hiệu quả, bền vững 123.361 ha rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; 7.000 ha rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng quản lý, bảo vệ;

- Xây dựng mới các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng: xây dựng 01 chốt quản lý bảo vệ rừng xã Đăk Nên (dạng nhà tạm khung thép, mái lợp tôn diện tích khoảng 170m2); xây dựng hội trường Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham; đường giao thông phục vụ cho công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng;

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ trong công

tác quản lý cơ sở dữ liệu, tuần tra, giám sát đa dạng sinh học và đánh giá hiệu quả quản lý khu rừng đặc dụng, phòng hộ như như: GPS, điện thoại SMART, máy truy xuất GPS, bẫy ảnh, thiết bị bay phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng…;

- Xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp các công trình hạ tầng nông thôn thiết yếu quy mô nhỏ phục vụ sản xuất và dân sinh như: đường giao thông, công trình cấp nước, trường học… suất đầu tư tối đa 8 tỷ đồng/công trình;

- Xây dựng mô hình khai thác, phục hồi và phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ và sản xuất nông lâm kết hợp nhằm khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của rừng. Mô hình dưới tán rừng diện tích từ 15- 20 ha rừng/mô hình; mô hình sản xuất nông lâm kết hợp diện tích từ 1-3 ha/mô hình. Ưu tiên các hoạt động phát triển cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

2.2. Chi tiết các hợp phần

a) Hợp phần 1: Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển hạ tầng nông thôn vùng giáp ranh

- Hoạt động điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ xác định loài chỉ thị, xây dựng dữ liệu về đa dạng sinh học. Số lần điều tra chia làm đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ trong quá trình thực hiện dự án;

- Rà soát, bổ sung kế hoạch quản lý rừng bền vững dựa trên kết quả điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tại các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ;

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng: xây dựng 01 chốt quản lý bảo vệ rừng xã Đăk Nên (dạng nhà tạm khung thép, mái lợp tôn vì khó khăn về vị trí xây dựng); xây dựng hội trường Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham; đường giao thông phục vụ cho công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng;

- Hỗ trợ trang, thiết bị ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu, tuần tra, giám sát đa dạng sinh học và đánh giá hiệu quả quản lý khu rừng đặc dụng, phòng hộ như bộ công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra như phần mềm Spatial Monitoring and Reporting Tool – SMART, bộ công cụ Management Effectiveness Tracking Tool – METT và các thiết bị liên quan như: GPS, máy chủ, bẫy ảnh, thiết bị bay phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng...;

- Nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên tại Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ trong việc đảm bảo thực thi pháp luật bảo vệ rừng; kiến thức, kỹ năng trong giáo dục môi trường...;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp an toàn xã hội (FPIC), trên cơ sở tự nguyện của người dân ở cộng đồng nhằm tạo được đồng thuận trong việc tham gia các hoạt động của dự án; nâng cao nhận thức về giới, vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận, quản lý, bảo vệ và thụ hưởng các lợi ích từ rừng tại các thôn, làng giáp khu vực rừng đặc dụng, phòng hộ;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, thiết yếu theo đề xuất của cộng đồng tại 110 thôn, làng vùng giáp ranh bao gồm: Trường học, nước tự chảy, đường giao thông nông thôn...;

- Xây dựng và chuyển giao các mô hình sản xuất nông lâm, nghiệp bền vững, đặc biệt là các mô hình phát triển chuỗi lâm sản ngoài gỗ; hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm tại 110 thôn,

làng vùng giáp ranh;

- Tổ chức các chuyến tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các mô hình đã thành công trong, ngoài tỉnh để nông dân có cơ hội áp dụng vào thực tiễn như: sản xuất nông nghiệp hữu cơ, canh tác bền vững dưới tán rừng, du lịch sinh thái,….

b) Hợp phần 2: Quản lý rừng cộng đồng và hạ tầng tại các thôn quản lý rừng cộng đồng

- Hướng dẫn 35 cộng đồng thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng một cách có hệ thống: Thành lập Ban quản lý rừng cộng đồng, tổ bảo vệ rừng; xây dựng quy ước, kế hoạch tuần tra bảo vệ rừng, giám sát tài nguyên rừng; hỗ trợ trang, thiết bị tuần tra, bảo vệ rừng; nâng cao năng lực cho các tổ chức ở cơ sở nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng cộng đồng trên địa bàn; biên soạn sổ tay quản lý rừng cộng đồng;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp an toàn xã hội (FPIC) tạo được đồng thuận của các cộng đồng trong việc tham gia các hoạt động của dự án; nâng cao nhận thức về giới, vai trò của phụ nữ trong vấn đề tiếp cận, quản lý, bảo vệ và thụ hưởng các lợi ích từ rừng tại các thôn, làng có quản lý rừng cộng đồng;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, thiết yếu theo đề xuất của cộng đồng tại 35 thôn, làng có giao rừng cộng đồng bao gồm: Nước tự chảy, đường giao thông nông thôn...;

- Xây dựng và chuyển giao các mô hình phát triển chuỗi lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, các hình thức sản xuất nông, lâm kết hợp dưới tán rừng; hỗ trợ 35 cộng đồng phát triển kinh tế rừng, góp phần tăng thu nhập cho người làm nghề rừng; tham quan các mô hình phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông – lâm sản trong và ngoài tỉnh.

c) Hợp phần 3: Tổ chức hội thảo và giám sát, đánh giá

- Tổ chức các cuộc họp, hội thảo trong tỉnh, liên tỉnh và liên ngành liên quan đến công tác quản lý, cũng như việc nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia dự án. Tổ chức các buổi làm việc định kỳ (đột xuất) với Nhà tài trợ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy dự án triển khai đảm bảo mục tiêu, tiến độ và hiệu quả,....

- Tổ chức giám sát, đánh giá: Tổ chức giám sát đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án gồm: giám sát tiến độ dự án; giám sát đa dạng sinh học; giám sát chất lượng rừng phòng hộ (2 năm/lần); giám sát kết quả bảo vệ rừng của cộng đồng; đánh giá các biện pháp an toàn xã hội; đánh giá giữa kỳ; đánh giá kết thúc dự án; đánh giá tác động. Các hình thức giám sát, đánh giá: giám sát định kỳ; giám sát đột xuất.

d) Hợp phần 4: Quản lý dự án và Tư vấn

- Thành lập tổ chức bộ máy quản lý dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan Chủ quản dự án, Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan Chủ đầu tư dự án. Tại cấp tỉnh, thành lập Ban quản lý dự án trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Ban quản lý dự án có Giám đốc, Phó Giám đốc và cán bộ làm việc chuyên môn, bộ máy Ban quản lý dự án làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban quản lý dự án chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn. Tại cơ sở, thành lập (i) Tổ công tác xã do Ủy ban nhân dân xã thành lập, gồm 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã và 01 cán bộ chuyên môn (cán bộ địa chính, xây dựng hạ tầng, môi trường), (ii) Tại

các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ sẽ thành lập Tổ công tác gồm 01 lãnh đạo và 01 cán bộ chuyên môn. Tổ do thủ trưởng các đơn vị quyết định thành lập. Các Tổ công tác có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án tỉnh trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động dự án triển khai trên địa bàn. Thành viên các Tổ công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các chế độ liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà tài trợ (nếu có);

- Văn phòng Tư vấn sẽ được thành lập trên cơ sở kết quả đấu thầu quốc tế cho hoạt động dịch vụ tư vấn của dự án. Các chuyên gia làm việc tại Văn phòng tư vấn có nhiệm vụ hỗ trợ việc triển khai cũng như giám sát các hoạt động thực hiện tại dự án. Việc lựa chọn Tư vấn quốc tế được quy định tại Hiệp định vay ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức. Các nội dung liên quan đến gói thầu Tư vấn quốc tế (số lượng, thành phần, cơ chế quản lý chuyên gia,…) sẽ được quy định rõ trong Hồ sơ mời thầu tư vấn. Hồ sơ mời thầu tư vấn được cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam phê duyệt và ý kiến không phản đối của Nhà tài trợ (KfW). Địa điểm đặt văn phòng của tổ chức Tư vấn được sự thống nhất của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Các yêu cầu về quy mô công trình dự kiến

2.3.2. Quy mô dự án

2.3.2.1 Quy mô các hoạt động chính

- Bảo vệ, quản lý hiệu quả, bền vững 123.361 ha rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; 7.000 ha rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng quản lý, bảo vệ;

- Xây dựng mới các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng: xây dựng 01 chốt quản lý bảo vệ rừng xã Đăk Nên (dạng nhà tạm khung thép, mái lợp tôn diện tích khoảng 170m2); xây dựng hội trường Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham; đường giao thông phục vụ cho công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng;

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu, tuần tra, giám sát đa dạng sinh học và đánh giá hiệu quả quản lý khu rừng đặc dụng, phòng hộ như như: GPS, điện thoại SMART, máy truy xuất GPS, bẫy ảnh, thiết bị bay phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng…;

- Xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp các công trình hạ tầng nông thôn thiết yếu quy mô nhỏ phục vụ sản xuất và dân sinh như: đường giao thông, công trình cấp nước, trường học… suất đầu tư tối đa 8 tỷ đồng/công trình;

- Xây dựng mô hình khai thác, phục hồi và phát triển bền vững lâm sản ngoài gỗ và sản xuất nông lâm kết hợp nhằm khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của rừng. Mô hình dưới tán rừng diện tích từ 15- 20 ha rừng/mô hình; mô hình sản xuất nông lâm kết hợp diện tích từ 1-3 ha/mô hình. Ưu tiên các hoạt động phát triển cây dược liệu phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương.

3.2.2. Chi tiết các hợp phần

a) Hợp phần 1: Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển hạ tầng nông thôn vùng giáp ranh

b) Hợp phần 2: Quản lý rừng cộng đồng và hạ tầng tại các thôn quản lý rừng cộng đồng

c) Hợp phần 3: Tổ chức hội thảo và giám sát, đánh giá

d) Hợp phần 4: Quản lý dự án và Tư vấn

3.2.3. Các yêu cầu về quy mô công trình dự kiến

3.2.3.1. Hạng mục công trình giao thông

- Loại công trình:Công trình giao thông đường bộ (theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021).

- Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021).

* Công trình đường giao thông:

- Cấp kỹ thuật: Đường GTNT B (theo TCVN 10380:2014);

- Vận tốc thiết kế: V=20 Km/h;

- Bề rộng nền đường cấp B: Bnền = 5,0m; Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường Bm = 3,50m.

+ Bề rộng lề đường: Bl=2x0,75m=1,5m.

- Kết cấu mặt đường, lề gia cố: Bằng bê tông xi măng, móng cấp phối đá dăm.

- Kết cấu lề đường không gia cố: Bằng đất đầm chặt K≥95;

- Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T;

- Tần suất thiết kế nền đường, cống và cầu nhỏ: P=4%;

- Công trình thoát nước: Bằng bê tông và BTCT.

- An toàn giao thông: Bố trí cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan...theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2024.

* Công trình cầu:

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Quy mô thiết kế: vĩnh cửu;

- Kết cấu: Bê tông và BTCT DƯL;

- Tần suất thiết kế cầu nhỏ: P = 4%;

- Tần suất thiết kế cầu trung, cầu lớn: P = 1%;

- Tải trọng thiết kế cầu: Tổ hợp xe HL93;

- Quy mô xây dựng:

+ Đầu tư xây mới 02 cầu Bê tông cốt thép và Bê tông cốt thép dự ứng lực,

+ Đầu tư xây mới 04 cầu treo, Rộng 1,5m, chiều dài dự kiến 50-80m, tải trọng thiết kế hoạt tải người đi bộ 3KN/m2, Xe máy 5KN qua cầu từng chiếc một.

+ Cấp đường: Đường GTNT B (theo TCVN 10380:2014);

+ An toàn giao thông: theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam QCVN41:2024.

3.2.3.2. Hạng mục công trình dân dụng

Gồm 3 vị trí *(Xây dựng chốt quản lý bảo vệ rừng xã Đăk Nên, Xây mới Hội trường Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham và Trường TH-THCS Nguyễn Huệ xã Xốp)* có Qui mô xây dựng như sau:

a. Xây dựng chốt quản lý bảo vệ rừng xã Đăk Nên

- Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng).

- Loại công trình: Công trình dân dụng (nhà tiền chế).

- Quy mô xây dựng:

- Diện tích khoảng 170m2.

- Móng: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 100 dày 100mm, móng bao xây bằng đá chẻ (150x200x250)mm VXM Mác 75. kết hợp với móng trụ đổ bê tông cốt thép đá (10x20)mm, Mác 250.

- Kết cấu bằng nhà lắp ghép khung sắt. Móng trụ BTCT, Nền lát gạch ceramic; Trụ và kèo hệ khung thép,

- Tường lắp đặt bằng tấm nhựa vân gỗ; Trần lắp đặt tấm nhựa vân gỗ; Hệ thống thiết bị điện làm mới;

- Mái lợp tôn dày 4,0zem; Xà gồ thép (100x50x1,2)mm, khoảng cách a=900.

- Hệ thống cửa: Thép hộp 30x60x1.2mm.

- Hệ thống phần điện: Sử dụng điện năng lượng mặt trời.

- Sân bê tông, diện tích 50m2: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 50 dày 100mm trên bê tông đá (10x20)mm Mác 200 dày 70mm, cắt khe.

- Cấp, thoát nước: Hoàn chỉnh theo công trình

b. Xây mới Hội trường Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham

- Cấp công trình: Cấp III (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng).

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Diện tích khoảng 200m2.

- Móng: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 100 dày 100mm, móng bao xây bằng đá chẻ (150x200x250)mm VXM Mác 75. kết hợp với móng trụ đổ bê tông cốt thép đá (10x20)mm, Mác 250.

- Bậc cấp: Đắp đất đầm chặt; BT lót đá (40x60)mm mác 50 dày 100mm. Xây gạch không nung 2 lỗ vữa XM M75 tạo bậc cấp, mặt bậc, cầu thang lát granit. Lan can cầu thang, hành lang bằng thép D60.

- Nền: Đắp đất đầm chặt; Bê tông đá lót (40x60)mm mác 50 dày 100mm. Lót vữa XM M50 dày 20mm, lát gạch Ceramic (500x500)mm.

- Tường xây gạch không nung, nung dày 130cm, vữa xi măng M75 (hoàn thiện), trát vữa xi măng dày 15mm; tường bả matit, lăn sơn 03 nước 01 nước lót, 02 nước màu.

- Giằng móng, khung, trụ, dầm, giằng tường, lanh tô, ô văng BTCT đá (10x20)mm M250.

- Sàn tầng 1, 2 bằng BTCT đá (10x20)mm M250 dày 10cm.

- Sê nô BTCT đá (10x20)mm M200 dày 10cm, Trát vữa XM M75 dày 15mm. Trần bả matit, lăn sơn 3 nước, 1 nước lót 2 nước màu. Quét dung dịch chống thấm.

- Mái lợp tôn dày 4,0zem; Xà gồ thép (100x50x1,2)mm, khoảng cách a=900.

- Hệ thống cửa: Nhôm Xingfa kết hợp kính cường lực.

- Hệ thống phần điện: Được thiết kế hoàn chỉnh, hệ thống dây chạy âm tường.

- Hệ thống chống sét: Cọc, dây dẫn tiếp địa bằng sắt Φ16 mạ đồng nối với kim thu sét.

- Sân bê tông, diện tích 100m2: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 50 dày 100mm trên bê tông đá (10x20)mm Mác 200 dày 70mm, cắt khe.

- Cấp, thoát nước: Hoàn chỉnh theo công trình

c. Trường TH-THCS Nguyễn Huệ xã Xốp

- Cấp công trình: Cấp III (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng).

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Quy mô: Xây dựng 08 phòng học.

- Diện tích khoảng 300m2.

- Móng: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 100 dày 100mm, móng bao xây bằng đá chẻ (150x200x250)mm VXM Mác 75. kết hợp với móng trụ đổ bê tông cốt thép đá (10x20)mm, Mác 250.

- Bậc cấp: Đắp đất đầm chặt; BT lót đá (40x60)mm mác 50 dày 100mm. Xây gạch không nung 2 lỗ vữa XM M75 tạo bậc cấp, mặt bậc, cầu thang lát granit. Lan can cầu thang, hành lang bằng thép D60.

- Nền: Đắp đất đầm chặt; Bê tông đá lót (40x60)mm mác 50 dày 100mm. Lót vữa XM M50 dày 20mm, lát gạch Ceramic (500x500)mm.

- Tường xây gạch không nung, nung dày 130cm, vữa xi măng M75 (hoàn thiện), trát vữa xi măng dày 15mm; tường bả matit, lăn sơn 03 nước 01 nước lót, 02 nước màu.

- Giằng móng, khung, trụ, dầm, giằng tường, lanh tô, ô văng BTCT đá (10x20)mm M250.

- Sàn tầng 1, 2 bằng BTCT đá (10x20)mm M250 dày 10cm.

- Sê nô BTCT đá (10x20)mm M200 dày 10cm, Trát vữa XM M75 dày 15mm. Trần bả matit, lăn sơn 3 nước, 1 nước lót 2 nước màu. Quét dung dịch chống thấm.

- Mái lợp tôn dày 4,0zem; Xà gồ thép (100x50x1,2)mm, khoảng cách a=900.

- Hệ thống cửa: Khung ngoại, khung nội bằng thép hộp (30x60x1,2)mm, khung hoa bảo vệ kính bằng thép hộp (12x12x1,2)mm, kính dày 5ly. Vách kính bằng thép hộp (40x40x1,2)mm kết hợp với kính dày 5ly.

- Hệ thống phần điện: Được thiết kế hoàn chỉnh, hệ thống dây chạy âm tường.

- Hệ thống chống sét: Cọc, dây dẫn tiếp địa bằng sắt Φ16 mạ đồng nối với kim thu sét.

- Sân bê tông, diện tích 100m2: Bê tông lót đá (40x60)mm Mác 50 dày 100mm trên bê tông đá (10x20)mm Mác 200 dày 70mm, cắt khe.

- Thoát nước: Hoàn chỉnh theo công trình.

3.2.3.3. Hạng mục công trình cấp nước sinh hoạt

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021).

- Cấp công trình: Cấp IV (theo Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021).

- Gồm 6 vị trí Xây dựng có Qui mô xây dựng như sau:

a. Nâng cấp ống nước sinh hoạt và sửa chữa bể chứa NSH làng GRập

* Quy mô công trình:

- Sửa chữa, nâng cấp bể chứa nước sinh hoạt:

+ Cấu tạo bể chứa: Đáy, tường, sàn bể, tấm đan bằng bê tông cốt thép M200, đá 1x2. Lớp đệm lót đáy bể bằng bê tông M100, đá 2x4, dày 10cm.

+ Hố van bể chứa bằng Bê tông M200 đá 1x2.

+ Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Chiều dài đường ống khoảng 900m bằng ống nhựa HDPE.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

b. Nâng cấp ống nước, sửa chữa Nước tự chảy thôn Đắk Kinh 1

* Quy mô công trình:

- Sửa chữa, nâng cấp đập đầu mối:

+ Hình thức là đập tràn, kết cấu bằng bê tông M200 đá 1x2, giữa đập bố trí cống xả cát. Tường chắn đất bố trí hai bên bằng bê tông M200 đá 1x2. Thượng, hạ lưu đập là sân bê tông M200 đá 1x2 dọc theo chiều dài thân đập có cắm chân khay.

+ Lấy nước trực tiếp từ hố thu đặt ở thượng lưu đập qua ống thu nước bằng ống thép mạ kẽm đục lỗ, được nối trực tiếp với ống thép tráng kẽm, nối tiếp ở đập là ống nhựa HDPE; lắp đặt ống xả đáy bằng ống thép tráng kẽm; điều tiết bằng các van khóa đồng.

- Sửa chữa bể lọc - chứa:

+ Bể lọc - chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn lọc bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Cấu tạo bể lọc chứa: Đáy, tường bể bằng bê tông M200 đá 1x2, sàn bể chứa, tấm đan bằng BTCT M200 đá 1x2, tầng lọc gồm các tầng: Lớp cát (0.3-1mm) dày 30cm, lớp vải địa kỹ thuật, lớp đá (5-10mm) dày 15cm, lớp đá (10-20mm) dày 15cm.

- Hố van bể chứa bằng Bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Chiều dài đường ống khoảng 1200m bằng ống nhựa HDPE và đi bằng trụ đỡ BTCT M200 đá 1x2 tại các đoạn dọc suối và qua cánh đồng bằng ống thép.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

c. Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn Xốp Nghét, xã Xốp

* Quy mô công trình:

- Nâng cấp bể chứa nước sinh hoạt:

+ Cấu tạo bể chứa: Đáy, tường, sàn bể, tấm đan bằng bê tông cốt thép M200, đá 1x2. Lớp đệm lót đáy bể bằng bê tông M100, đá 2x4, dày 10cm.

+ Hố van bể chứa bằng Bê tông M200 đá 1x2.

+ Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Chiều dài đường ống khoảng 1km bằng ống nhựa HDPE và đi bằng trụ đỡ BTCT M200 đá 1x2 tại các đoạn dọc suối và qua cánh đồng bằng ống thép.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

d. Hệ thống nước sinh hoạt nhóm 1, thôn Điek Kua

Quy mô công trình: Hệ thống nước sinh hoạt nhóm 1, thôn Điek Kua

- Đập đầu mối:

+ Hình thức là đập tràn, kết cấu bằng bê tông M200 đá 1x2, giữa đập bố trí cống xả cát. Tường chắn đất bố trí hai bên bằng bê tông M200 đá 1x2. Thượng, hạ lưu đập là sân bê tông M200 đá 1x2 dọc theo chiều dài thân đập có cắm chân khay.

+ Lấy nước trực tiếp từ hố thu đặt ở thượng lưu đập qua ống thu nước bằng ống thép mạ kẽm đục lỗ, được nối trực tiếp với ống thép tráng kẽm, nối tiếp ở đập là ống nhựa HDPE; lắp đặt ống xả đáy bằng ống thép tráng kẽm; điều tiết bằng các van khóa đồng.

- Bể lọc - chứa:

+ Bể lọc - chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn lọc bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Cấu tạo bể lọc chứa: Đáy, tường bể bằng bê tông M200 đá 1x2, sàn bể chứa, tấm đan bằng BTCT M200 đá 1x2, tầng lọc gồm các tầng: Lớp cát (0.3-1mm) dày 30cm, lớp vải địa kỹ thuật, lớp đá (5-10mm) dày 15cm, lớp đá (10-20mm) dày 15cm.

- Hố van bể chứa bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Sửa chữa, nâng cấp bể chứa nước sinh hoạt:

+ Cấu tạo bể chứa: Đáy, tường, sàn bể, tấm đan bằng bê tông cốt thép M200, đá 1x2. Lớp đệm lót đáy bể bằng bê tông M100, đá 2x4, dày 10cm.

- Chiều dài đường ống khoảng 1km bằng ống nhựa HDPE và đi bằng trụ đỡ BTCT M200 đá 1x2 tại các đoạn dọc suối và qua cánh đồng bằng ống thép.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

e. Nước sinh hoạt thôn Tu Thôn

* Quy mô công trình:

- Đập đầu mối:

+ Hình thức là đập tràn, kết cấu bằng bê tông M200 đá 1x2, giữa đập bố trí cống xả cát. Tường chắn đất bố trí hai bên bằng bê tông M200 đá 1x2. Thượng, hạ lưu đập là sân bê tông M200 đá 1x2 dọc theo chiều dài thân đập có cắm chân khay.

+ Lấy nước trực tiếp từ hố thu đặt ở thượng lưu đập qua ống thu nước bằng ống thép mạ kẽm đục lỗ, được nối trực tiếp với ống thép tráng kẽm, nối tiếp ở đập là ống nhựa HDPE; lắp đặt ống xả đáy bằng ống thép tráng kẽm; điều tiết bằng các van khóa đồng.

- Bể lọc - chứa:

+ Bể lọc - chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn lọc bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Cấu tạo bể lọc chứa: Đáy, tường bể bằng bê tông M200 đá 1x2, sàn bể chứa, tấm đan bằng BTCT M200 đá 1x2, tầng lọc gồm các tầng: Lớp cát (0.3-1mm) dày 30cm, lớp vải địa kỹ thuật, lớp đá (5-10mm) dày 15cm, lớp đá (10-20mm) dày 15cm.

- Hố van bể chứa bằng Bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Chiều dài đường ống khoảng 3km bằng ống nhựa HDPE và đi bằng trụ đỡ BTCT M200 đá 1x2 tại các đoạn dọc suối và qua cánh đồng bằng ống thép.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

f. Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt Thôn Đăk Tiêu

* Quy mô công trình:

- Đập đầu mối:

+ Hình thức là đập tràn, kết cấu bằng bê tông M200 đá 1x2, giữa đập bố trí cống xả cát. Tường chắn đất bố trí hai bên bằng bê tông M200 đá 1x2. Thượng, hạ lưu đập là sân bê tông M200 đá 1x2 dọc theo chiều dài thân đập có cắm chân khay.

+ Lấy nước trực tiếp từ hố thu đặt ở thượng lưu đập qua ống thu nước bằng ống thép mạ kẽm đục lỗ, được nối trực tiếp với ống thép tráng kẽm, nối tiếp ở đập là ống nhựa HDPE; lắp đặt ống xả đáy bằng ống thép tráng kẽm; điều tiết bằng các van khóa đồng.

- Bể lọc - chứa:

+ Bể lọc - chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn lọc bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Ngăn chứa bằng bê tông cốt thép bê tông M200, đá 1x2.

+ Cấu tạo bể lọc chứa: Đáy, tường bể bằng bê tông M200 đá 1x2, sàn bể chứa, tấm đan bằng BTCT M200 đá 1x2, tầng lọc gồm các tầng: Lớp cát (0.3-1mm) dày 30cm, lớp vải địa kỹ thuật, lớp đá (5-10mm) dày 15cm, lớp đá (10-20mm) dày 15cm.

- Hố van bể chứa bằng Bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van xả cặn, xả khí bằng bê tông M200 đá 1x2.

- Hố van phân phối: Mỗi bể chứa bố trí 02 hố van phân phối, được đặt sát vào các bể chứa. Tất cả các hố van phân phối được thiết kế bằng bê tông M200 đá 1x2. Đan đậy BTCT M200 đá 1x2.

- Chiều dài đường ống khoảng 2km bằng ống nhựa HDPE và đi bằng trụ đỡ BTCT M200 đá 1x2 tại các đoạn dọc suối và qua cánh đồng bằng ống thép.

- Bố trí các van đồng Φ 50, Φ 25 để điều tiết nước và các vòi nước Φ 25 để cung cấp nước cho các hộ dân.

- Ngoài ra còn bố trí các phụ kiện liên quan để điều tiết và cung cấp nước.

I.3. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

- Tên dự án: Dự án "Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên - Hợp phần tỉnh Quảng Ngãi"

- Tên gói thầu: Gói thầu 3: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức đấu thầu: Đấu thầu 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Không quá 40 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ quý I năm 2026.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

- Địa điểm thực hiện: tỉnh Quảng Ngãi.

I.4. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện để lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ năng lực, uy tín (sau đây gọi là Đơn vị tư vấn) để ký hợp đồng thực hiện Gói thầu 3: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thuộc Dự án "Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên - Hợp phần tỉnh Quảng Ngãi"

II. Phạm vi công việc:

Thực hiện theo đúng quy định hiện hành và nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt (đính kèm theo E- HSMT).

1. Nội dung và khối lượng công tác khảo sát

a. Mục đích khảo sát xây dựng

Điều tra, thu thập đầy đủ các số liệu về tình hình kinh tế xã hội, các quy hoạch liên quan đến dự án; số liệu về mạng lưới giao thông, dân dụng, thủy lợi, thủy điện, lưới điện, thông tin liên lạc, cấp - thoát nước… liên quan đến công trình; đo đạc, thu thập số liệu về địa hình, địa chất, thủy văn; số liệu về nguồn cung cấp và giá cả các loại vật liệu trên địa bàn... đảm bảo đủ cơ sở để xác định sự cần thiết đầu tư, lựa chọn hình thức đầu tư, xác định vị trí cụ thể và quy mô đầu tư xây dựng công trình, lựa chọn phương án công trình tối ưu, đề xuất các giải pháp thiết kế hợp lý, tính tổng mức đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư về kinh tế và xã hội của dự án được thể hiện trong Hồ sơ thiết kế cơ sở và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

b. Phạm vi khảo sát xây dựng

Dự kiến dự án triển khai trên phạm vi 145 thôn, làng ở 13 xã của tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Sa Thầy, Mo Ray, Rờ Kơi, Ya Ly, Sa Loong, Bờ Y, Măng Bút, Kon Plông, Măng Ri, Đăk Sao, Xốp, Đăk Plô và xã Đăk Pék nơi có diện tích rừng đặc dụng của Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng phòng hộ Thượng Thạch Nham. Trong đó có 110 thôn, làng là vùng giáp ranh của các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và 35 thôn, làng được nhà nước giao rừng để quản lý, bảo vệ cụ thể như sau:

2. Nội dung công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi

- Thực hiện theo đúng quy định hiện hành và nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt (đính kèm theo E- HSMT).

- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

+ Nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội.

+ Một bản Đề cương chi tiết sẽ được lập và gửi cho chủ đầu tư làm cơ sở xây dựng nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi. Ngoài những nội dung theo quy định, Báo cáo nghiên cứu khả thi cần lưu ý một số nội dung khác như: Công tác giải phóng mặt bằng (cần đánh giá tổng quan mức độ ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng liên quan đến việc sử dụng đất tại dự án; thu thập, tổng hợp ý kiến của người dân, chính quyền địa phương đối với công tác này). Công tác an ninh – quốc phòng (các hoạt động của dự án có liên quan đến nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; phối hợp với cơ quan quản lý xác định rõ vị trí các công trình có liên quan đến việc sử dụng đất đã quy hoạch vào mục đích quốc phòng, an ninh đề đề ra kế hoạch phù

hợp). Công tác tổ chức - quản lý dự án (mô hình, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý dự án; vị trí việc làm, số lượng cán bộ làm việc; dự thảo các quy chế về tổ chức hoạt động, về công tác phối hợp giữa các bên liên quan). Công tác vận hành, khai thác các hoạt động, công trình của dự án (xác định đối tượng, trách nhiệm quản lý, vận hành các hoạt động, công trình sau khi được dự án bàn giao).

+ Nhiệm vụ khác có liên quan thực hiện theo pháp luật về Đấu thầu, Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

3. Bảng tổng hợp khối lượng.

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
	Chiều dài xây dựng	**m**	**80.583,00**
A	**Công tác điều tra, thu thập số liệu, tài liệu:**		
1	Điều tra, thu thập số liệu về kinh tế xã hội	công	185,00
2	Làm việc, thỏa thuận với các cơ quan liên quan	công	110,00
3	Điều tra cập nhật các loại đường, cự ly vận chuyển vật liệu đến dự án	công	110,00
4	Thị sát hiện trường	công	110,00
B	**KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH VÀ THỦY VĂN**		
	Khảo sát địa hình tuyến		
1	Thủy chuẩn kỹ thuật, Địa hình cấp IV	km	81,20
2	Đo vẽ cắt dọc tuyến trên cạn, ĐH cấp IV	100 m	810,76
3	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn ĐH cấp IV	100m	968,05
4	Đo vẽ bình đồ TL1/2000, ĐM 2m, ĐH cấp IV, trên cạn	100ha	2,41
5	Khảo sát thủy văn dọc tuyến	công	96,00
	Khảo sát địa hình cầu	m	918,00
1	Cọc Tim cầu/ Mốc	mốc	12,00
2	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 0,5m, ĐH cấp I, dưới nước	ha	1,23
3	Đo vẽ bình đồ TL1/500, ĐM 0,5m, ĐH cấp IV, trên cạn	ha	7,95
4	Đo vẽ mặt cắt dọc dưới nước, ĐH cấp I	100 m	1,23
5	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn ĐH cấp IV	100m	10,72
6	Đo vẽ cắt ngang lưu lượng dưới nước, ĐH cấp I	100m	2,46
7	Đo vẽ mặt cắt lưu lượng cầu trên cạn ĐH cấp IV	100m	15,90
8	Đo vẽ trắc dọc lòng suối , ĐH cấp I	100 m	6,00
9	Khảo sát thủy văn cầu	công	6,00
C	**NƯỚC SINH HOẠT**		
	Đập Đầu Mối:	m	400,00

1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình V	1 ha	1,20
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc đập tỷ lệ 1/100; tỷ lệ 1/1000; cấp địa hình V	100 m	4,00
3	Đo vẽ mặt cắt ngang đập tỷ lệ 1/200; cấp địa hình V	100m	12,00
4	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, đập cấp địa hình V	km	0,40
	Tuyến Ống Nước:	m	9.100,00
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình V	100ha	0,09
2	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc tuyến tỷ lệ 1/100; tỷ lệ 1/1000; cấp địa hình V	100 m	91,00
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, tuyến cấp địa hình V	km	9,10
D	**KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT, MỎ VẬT LIỆU**		-
	Khảo sát địa chất tuyến	**lỗ**	90,00
1	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III từ 0-30m	m	450,00
2	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	1m khoan	450,00
3	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng:	Chỉ tiêu	174,00
3.1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng Δ)	Chỉ tiêu	174,00
3.2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất (Wtn)	Chỉ tiêu	174,00
3.3	Thí nghiệm xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo của đất (Wt, Wp)	Chỉ tiêu	174,00
3.4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất (P%)	Chỉ tiêu	174,00
3.5	Thí nghiệm xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng của đất (C, φ)	Chỉ tiêu	174,00
3.6	Nén lún trong điều kiện không nở hông a (nén nhanh)	Chỉ tiêu	174,00
3.7	Thí nghiệm xác định khối thể tích của đất (dung trọng γω)	Chỉ tiêu	174,00
4	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng:	Chỉ tiêu	84,00
4.1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng Δ)	Chỉ tiêu	84,00
4.2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất (Wtn)	Chỉ tiêu	84,00
4.3	Thí nghiệm xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo của đất (Wt, Wp)	Chỉ tiêu	84,00
4.4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất (P%)	Chỉ tiêu	84,00

4.5	Thí nghiệm độ chặt tiêu chuẩn của đất (dung trọng chặt, xốp)	chỉ tiêu	84,00
4.6	Thí nghiệm xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời (góc nghỉ khô, nghỉ ướt)	Chỉ tiêu	84,00
	Khảo sát địa chất cầu/ công trình dân dụng	lỗ	20,00
1	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá I-III (có ống chống) 0-30m	m	158,00
2	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đá IV-VI từ 0-30m	m	49,00
3	Khoan xoay bơm rửa = ống mẫu ở trên cạn cấp đất đỏ VII-VIII từ 0-30m	m	2,00
4	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	1m khoan	118,00
5	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	1m khoan	19,00
6	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá VII-VIII	1m khoan	2,00
7	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất nguyên dạng:	Chỉ tiêu	73,00
7.1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng Δ)	Chỉ tiêu	73,00
7.2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất (Wtn)	Chỉ tiêu	73,00
7.3	Thí nghiệm xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo của đất (Wt, Wp)	Chỉ tiêu	73,00
7.4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất (P%)	Chỉ tiêu	73,00
7.5	Thí nghiệm xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng của đất (C, φ)	Chỉ tiêu	73,00
7.6	Nén lún trong điều kiện không nở hông a (nén nhanh)	Chỉ tiêu	73,00
7.7	Thí nghiệm xác định khối thể tích của đất (dung trọng γω)	Chỉ tiêu	73,00
8	Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý mẫu đất không nguyên dạng:	Chỉ tiêu	31,00
8.1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đất (tỷ trọng Δ)	Chỉ tiêu	31,00
8.2	Thí nghiệm xác định độ ẩm, độ hút ẩm của đất (Wtn)	Chỉ tiêu	31,00
8.3	Thí nghiệm xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo của đất (Wt, Wp)	Chỉ tiêu	31,00
8.4	Thí nghiệm xác định thành phần hạt của đất (P%)	Chỉ tiêu	31,00
8.5	Thí nghiệm độ chặt tiêu chuẩn của đất (dung trọng chặt, xốp)	chỉ tiêu	31,00

8.6	Thí nghiệm xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời (góc nghỉ khô, nghỉ ướt)	Chỉ tiêu	31,00
9	Thí nghiệm xá định các chỉ tiêu mẫu đá	Chỉ tiêu	34,00
9.1	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng của đá nguyên khai	Chỉ tiêu	34,00
9.2	Thí nghiệm xác định khối lượng thể tích của đá nguyên khai	Chỉ tiêu	34,00
9.3	Thí nghiệm xác định cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái khô	Chỉ tiêu	34,00
9.4	Thí nghiệm xác định cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hoà	Chỉ tiêu	34,00
9.5	Thí nghiệm xác định hệ số hoá mềm của đá nguyên khai	Chỉ tiêu	34,00
10	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT đất I-III	lần	30,00
	Khảo sát mỏ vật liệu, bãi thải		
	Khảo sát điều tra cập nhật mỏ vật liệu, bãi thải	Công	110,00
E	**Công tác điều tra, thu thập xây dựng các hoạt động lâm sinh**		
	Hợp phần 1: Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển hạ tầng nông thôn vùng giáp ranh		
1	Nhiệm vụ 1. Xây dựng Đề cương Bảo tồn đa dạng sinh học	Nhiệm vụ	1
2	Nhiệm vụ 2. Xây dựng Đề cương xem xét kế hoạch quản lý khu bảo tồn, rừng phòng hộ	Nhiệm vụ	1
	Hợp phần 2: Quản lý rừng cộng đồng và hạ tầng tại các thôn quản lý rừng cộng đồng		
3	Nhiệm vụ 3. Xây dựng Đề cương sản xuất bản đồ cho 35 cộng đồng thôn trên vùng dự án	Nhiệm vụ	1
4	Nhiệm vụ 4. Xây dựng Đề cương điều tra rừng cho giám sát 20%	Nhiệm vụ	1
5	Nhiệm vụ 5. Xây dựng Đề cương đánh dấu ranh giới và đóng mốc rừng cộng đồng	Nhiệm vụ	1
6	Nhiệm vụ 6. Xây dựng Đề cương sản xuất sổ tay hướng dẫn và kế hoạch quản lý rừng thôn bản	Nhiệm vụ	1
7	Nhiệm vụ 7. Xây dựng Đề cương hỗ trợ chuỗi sản phẩm lâm sản ngoài gỗ cấp xã, cộng đồng	Nhiệm vụ	1
	Hợp phần 3: Tổ chức hội thảo và giám sát, đánh giá		
8	Nhiệm vụ 8. Xây dựng Đề cương kiểm tra chất lượng phòng hộ hai năm/lần	Nhiệm vụ	1
F	**Lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án**	**Toàn bộ**	**1**

4. Máy móc và thiết bị khảo sát, thiết kế (thuộc sở hữu hoặc đi thuê)

- Máy toàn đạc điện tử hoặc tương tự: 2 bộ.
- Máy thủy bình: 02 bộ.
- Máy đo GPS hoặc tương đương: 02 máy

- Phần mềm khảo sát: 2 bộ.

- Phần mềm thiết kế đường bộ: 4 bộ.

- Phần mềm lập dự toán: 01bộ.

- Máy khoan địa chất + thiết bị lấy mẫu: 02 bộ.

- Phòng thí nghiệm hợp chuẩn: 1 phòng.

* Nhà thầu phải đính kèm bản chính hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy tờ và giấy kiểm định còn hiệu lực đối với các loại máy móc, thiết bị trên).

5. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

- Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng trình chủ đầu tư phê duyệt.

- Thực hiện khảo sát xây dựng để phục vụ cho việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Lập Báo cáo khảo sát trình Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu và phê duyệt kết quả khảo sát.

- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

+ Nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện theo Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội.

+ Một bản Đề cương chi tiết sẽ được lập và gửi cho chủ đầu tư làm cơ sở xây dựng nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi. Ngoài những nội dung theo quy định, Báo cáo nghiên cứu khả thi cần lưu ý một số nội dung khác như: Công tác giải phóng mặt bằng (cần đánh giá tổng quan mức độ ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng liên quan đến việc sử dụng đất tại dự án; thu thập, tổng hợp ý kiến của người dân, chính quyền địa phương đối với công tác này). Công tác an ninh – quốc phòng (các hoạt động của dự án có liên quan đến nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; phối hợp với cơ quan quản lý xác định rõ vị trí các công trình có liên quan đến việc sử dụng đất đã quy hoạch vào mục đích quốc phòng, an ninh đề đề ra kế hoạch phù hợp). Công tác tổ chức - quản lý dự án (mô hình, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý dự án; vị trí việc làm, số lượng cán bộ làm việc; dự thảo các quy chế về tổ chức hoạt động, về công tác phối hợp giữa các bên liên quan). Công tác vận hành, khai thác các hoạt động, công trình của dự án (xác định đối tượng, trách nhiệm quản lý, vận hành các hoạt động, công trình sau khi được dự án bàn giao).

+ Nhiệm vụ khác có liên quan thực hiện theo pháp luật về Đấu thầu, Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

- Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế;

- Chỉ sử dụng kết quả khảo sát do chủ đầu tư phê duyệt;

- Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ diều kiện năng lực theo quy định dể thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;

- Trình chủ đầu tư hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi để tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến thẩm định;

- Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

- Giám sát tác giả theo quy định;

- Lập thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật cho các hạng mục gói thầu;

- Lập quy trình bảo trì công trình xây dựng.

- Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ lập thiết kế và dự toán đã được chủ đầu tư phê duyệt.

6. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đơn vị Tư vấn phải lập chương trình kế hoạch báo cáo các công việc thực hiện, các vướng mắc cần xin chủ trương ý kiến hống nhất của các cơ quan đơn vị có thẩm quyền xem xét, các báo cáo và hồ sơ hoàn chỉnh tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Tư vấn sẽ nộp 04 hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát; 05 hồ sơ lập báo cáo nghiên cứu khả thi và toàn bộ file mềm kèm theo.

Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

2. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dịch vụ tư vấn tối đa là 30 ngày.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí: Phải thỏa mãn yêu cầu nêu tại Mục 2 chương III.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Cử cán bộ hỗ trợ, phối hợp với nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện hợp đồng; cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.